

Số: 816 /QĐ-UBND

Giang Thành, ngày 9 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa
và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC, ngày 21/01/2016 của Bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp – PTNT về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 21/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Về việc quy định chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện về việc thực hiện mô hình Cánh đồng lớn sản xuất lúa theo hướng VietGAP gắn với xây dựng bờ bao, thủy lợi nội đồng và trạm bơm tát tập thể giai đoạn 2018 - 2020.

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND huyện Giang Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn hỗ trợ sản xuất thuộc nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Tổ Trưởng Tổ sử dụng vốn theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP tại Tờ trình số 41 /TTr-TSDV ngày 08/3/2018 của Tổ sử dụng vốn theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP về việc phê duyệt Dự án mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018 với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tổng kinh phí thực hiện Dự án năm 2018 là: **2.086.800.000 đồng**, bằng chữ: (Hai tỷ không trăm tám mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng)



- Nguồn kinh phí thực hiện: Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng lúa. (kèm theo Dự án mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018)

Điều 2: Giao cho Tổ sử dụng vốn theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP, phòng Nông nghiệp & PTNT phối hợp với các Trạm chuyên môn và UBND 5 xã triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND - UBND huyện, Tổ sử dụng nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp & PTNT, Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, trạm Khuyến nông; trạm Trồng trọt – BVTV và Chủ tịch UBND 5 xã và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: *hư*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà



Giang Thành, ngày 8 tháng 3 năm 2018

Số: 04 /DA-TSDV

DỰ ÁN

Thực hiện mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018

Căn cứ Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC, ngày 21/01/2016 của Bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp – PTNT về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 21/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Về việc quy định chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện về việc thực hiện mô hình Cánh đồng lớn sản xuất lúa theo hướng VietGAP gắn với xây dựng bờ bao, thủy lợi nội đồng và trạm bơm tát tập thể giai đoạn 2018 - 2020.

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND huyện Giang Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn hỗ trợ sản xuất thuộc nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

Tổ sử dụng nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP huyện xây dựng Dự án Thực hiện mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018, như sau:

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát:

Với quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XII, Đề án tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp của huyện giai đoạn 2018-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Kế hoạch kinh tế - xã hội huyện năm 2018 và Kế hoạch thực hiện mô hình Cánh đồng lớn sản xuất lúa theo hướng VietGAP gắn với xây dựng bờ bao, thủy lợi nội đồng và trạm bơm tát tập thể giai đoạn 2018 - 2020.

Chuyển nhanh từ sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hiệu quả cao. Tạo vùng nguyên liệu lúa hàng hóa với diện tích lớn cùng áp dụng một cách đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật để tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường, tạo ra sản phẩm an toàn với số lượng lớn, có

giá trị cao gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản hướng đến phát triển bền vững.

Ưu tiên triển khai thực hiện mô hình tại các khu vực đã đầu tư bờ bao, thủy lợi nội đồng, trạm bơm điện tương đối hoàn chỉnh, đã thành lập Hợp tác xã, Tổ hợp tác và đoàn kết liên kết sản xuất có hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ xây dựng mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa theo hướng VietGAP với diện tích 1.000 ha.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm với diện tích 200 ha (trong đó có 50 ha sử dụng phương pháp cấy lúa).

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa:

1.1. Hỗ trợ cho nông dân:

- Giống lúa: hỗ trợ mua giống lúa cấp xác nhận 4.000 đ/kg, định mức hỗ trợ 120 kg/ha, tương đương 480.000 đồng/ha. Diện tích nhận hỗ trợ của mỗi hộ không vượt 5ha/hộ; phần diện tích canh tác còn lại (vượt ngoài 5ha) phải cùng sử dụng giống như cánh đồng lớn, nhưng không được nhận hỗ trợ giá giống lúa và vật tư. Các giống lúa sử dụng trong các cánh đồng lớn phải là giống cấp xác nhận, đáp ứng yêu cầu liên kết với doanh nghiệp và điều kiện sản xuất địa phương. Chú trọng một số giống lúa mới và ưu tiên thực hiện phương pháp cấy lúa, sạ hàng làm điểm nhân giống cung cấp giống lúa cấp xác nhận cho nhân dân trên địa bàn.

** Đối với cánh đồng thống nhất sử dụng giống lúa ĐS1 (lúa Nhật), IR50404, Nếp thì phải liên kết với các doanh nghiệp trong việc cung ứng giống và bao tiêu sản phẩm. Mô hình không hỗ trợ tiền mua lúa giống, chỉ hỗ trợ về kỹ thuật, phân bón...*

- Phân bón: hỗ trợ một phần chi phí phân bón, tương đương 900.000 đ/ha.

- Tập huấn, tư vấn kỹ thuật: Tập huấn các hộ tham gia mô hình và những hộ trên địa bàn kỹ thuật sản xuất lúa 1 phải 5 giảm. Hướng dẫn cách ghi chép sổ tay sản xuất; an toàn lao động cho người sản xuất. Tổ chức vận động nông dân thực hiện đúng theo lịch thời vụ gieo sạ của phòng Nông nghiệp và PTNT; sử dụng giống lúa cấp xác nhận; sạ thưa, sạ hàng, khuyến khích cấy lúa; sử dụng phân bón, thuốc BVTV hợp lý. Hướng dẫn việc điều tra phát hiện và biện pháp phòng trừ dịch hại.

1.2. Quy mô:

- Triển khai thực hiện hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn, diện tích 1.000ha.

- Mỗi cánh đồng từ 70 ha trở lên, mỗi hộ (mô hình) không quá 5 ha.

- Thời gian gieo sạ tối đa 5 – 10 ngày dứt điểm diện tích trong cánh đồng.

1.3. Thời gian, địa điểm thực hiện:

Năm 2018 – 2019, trong vụ lúa Hè thu 2018 và vụ Đông xuân 2018-2019. Trong đó:

- Vụ Hè thu: triển khai 700 ha (Vĩnh Điều 200ha, Vĩnh Phú 200ha, Tân Khánh Hòa 100ha, Phú Lợi diện tích 100ha, Phú Mỹ 100ha).

- Vụ Đông xuân: triển khai 300 ha (Vĩnh Điều 100ha, Vĩnh Phú 100ha, Tân Khánh Hòa 100ha).

** Trong quá trình triển khai thực hiện sẽ điều chuyển qua lại trong 02 vụ lúa và từ xã này sang xã kia.*

1.4. Kinh phí thực hiện: 1.675.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng) bao gồm:

- **Hỗ trợ lúa giống – phân bón:** (1000 ha x 120kg/ha = 120.000 kg), kinh phí 1.380.000.000 đồng

St t	Loại vật tư	Số lượng	Yêu cầu của chương trình		
			Đơn giá	Thành tiền	Hỗ trợ (đ)
1	Lúa giống (kg)	120	13.000	1.560.000	480.000
2	Phân bón:				900.000
	- Ure (kg)	160	7.000	1.120.000	
	- DAP (kg)	130	11.000	1.430.000	
	- Kali (kg)	60	8.000	480.000	
	- Phân bón trung, vi lượng khác ...			900.000	
	Tính cho 01 ha			5.490.000	1.380.000
	Tổng cộng tính cho 1.000 ha			5.490.000.000	1.380.000.000

- **Thiết bị khác:** 187.000.000 đồng

T T	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hỗ trợ (đ)
1	Bảng cắm lớn	10	4.000.000	40.000.000	40.000.000
2	Bảng cắm tại ruộng	10	200.000	2.000.000	2.000.000
3	Lồng thu gom thuốc BVTV	25	4.000.000	100.000.000	100.000.000
4	Dụng cụ kéo hàng	25	1.800.000	45.000.000	45.000.000
	Tổng cộng:				187.000.000

- **Tập huấn, sinh hoạt kỹ thuật:** 44.800.000 đồng

ST T	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
---------	----------	----------------	-------------	-------------------	-------------------------

1	Chi phí cho hướng dẫn kỹ thuật	buổi	1	240.000	240.000
2	Trang trí, băng rol	m ²	3	60.000	180.000
3	Chi phí phát hành thư mời	lớp	1	100.000	100.000
4	Chi tiền nước uống cho nông dân	người	30	10.000	300.000
5	Sổ tay, sơ mi, viết	Bộ	30	10.000	300.000
Tổng công: (01 lớp)					1.120.000
Tính cho 40 lớp					44.800.000

- Hội thảo, tọa đàm: 15.200.000 đồng

ST T	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí cho hướng dẫn kỹ thuật	buổi	1	240.000	240.000
2	Trang trí, băng rol	m ²	3	60.000	180.000
3	Chi phí đi lại phát hành thư mời	lớp	1	100.000	100.000
4	Chi tiền ăn cho nông dân	người	30	25.000	750.000
5	Chi tiền nước uống cho nông dân	người	30	10.000	300.000
Tổng công: 01 cuộc					1.520.000
Tính cho 10 cuộc					15.200.000

- Chi phí quản lý: 48.000.000 đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tổ sử dụng vốn huyện kiểm tra, nghiệm thu mô hình (3 người)	12	80.000	960.000
2	Cán bộ theo dõi, kiểm tra (4 lần/tháng x 3 tháng)	12	80.000	960.000
3	Cán bộ chủ nhiệm mô hình (4 lần/tháng x 3 tháng)	12	80.000	960.000
4	Cán bộ kỹ thuật (4 lần/tháng x 3 tháng)	12	80.000	960.000
5	Cộng tác viên (4 lần/tháng x 3 tháng)	12	80.000	960.000
Tính cho 01 cánh đồng				4.800.000
Tính cho 10 cánh đồng				48.000.000

2. Mô hình “1 phải 5 giảm”:

2.1. Đối tượng, điều kiện chọn hộ:

Hộ tham gia mô hình là nông dân tiêu biểu trong sản xuất lúa; mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm và sẵn sàng hướng dẫn lại cho các hộ khác.

Ưu tiên cho những khu vực đã đầu tư hạ tầng sản xuất (*bờ bao, thủy lợi nội đồng, trạm bơm tưới tập thể*), mặt bằng đồng ruộng tương đối bằng phẳng và

thành lập được tổ hợp tác sản xuất để có điều kiện tốt thực hiện quy trình kỹ thuật và hướng tới thành lập những cánh đồng lớn.

Hộ tham gia mô hình **bắt buộc phải cam kết** và thực hiện gieo sạ giảm lượng giống từ 80 - 120 kg/ha, theo lịch thời vụ của phòng Nông nghiệp và PTNT.

2.2. Mức hỗ trợ:

*** Đối với những hộ gieo sạ thẳng:**

- Hỗ trợ mua giống lúa cấp xác nhận 4.000 đ/kg, định mức hỗ trợ 120 kg/ha, tương đương 480.000 đồng/ha. Diện tích nhận hỗ trợ của mỗi hộ không vượt 02ha/hộ.

Đối với cánh đồng thống nhất sử dụng giống lúa ĐS1 (lúa Nhật), IR50404, Nếp thì phải liên kết với các doanh nghiệp trong việc cung ứng giống xác nhận và bao tiêu sản phẩm. Mô hình không hỗ trợ tiền mua lúa giống, chỉ hỗ trợ về kỹ thuật, phân bón...

- Phân bón: hỗ trợ một phần chi phí phân bón, tương đương 900.000 đ/ha.

*** Đối với những hộ tham gia thực hiện phương pháp cấy lúa:**

- Hỗ trợ mua giống lúa cấp xác nhận trở lên 4.000 đ/kg, định mức hỗ trợ 80 kg/ha, tương đương 320.000 đồng/ha. Diện tích nhận hỗ trợ của mỗi hộ không vượt 02ha/hộ.

- Hỗ trợ 20% chi phí cấy lúa, tương đương 1.000.000 đồng/ha.

- Phân bón: hỗ trợ một phần chi phí phân bón, tương đương 900.000 đ/ha.

Ngoài ra, hộ tham gia mô hình được tham gia sinh hoạt kỹ thuật trong các giai đoạn phát triển của cây lúa. Hướng dẫn cách ghi chép sổ tay sản xuất; an toàn lao động cho người sản xuất. Hướng dẫn việc điều tra phát hiện và biện pháp phòng trừ dịch hại.

2.3. Quy mô:

- Triển khai thực hiện hỗ trợ theo phương pháp gieo sạ thẳng là 150 ha, phương pháp cấy là 50 ha.

3.3. Thời gian, địa điểm thực hiện

Năm 2018 – 2019, trong vụ lúa Hè thu 2018 và vụ Đông xuân 2018-2019. Trong đó:

+ Phương pháp gieo sạ thẳng: 150ha, tương đương 75 hộ trở lên (Vĩnh Phú 45ha, Vĩnh Điều 45ha, Tân Khánh Hòa 30ha, Phú Lợi 15ha, Phú Mỹ 15ha).

+ Phương pháp cấy lúa: 50 ha (Vĩnh Phú 15ha, Vĩnh Điều 15ha, Tân Khánh Hòa 10ha, Phú Lợi 10ha).

** Trong quá trình triển khai thực hiện sẽ điều chuyển từ xã này sang xã khác nếu không triển khai được.*

3.4. Kinh phí thực hiện: 381.800.000 đồng (ba trăm tám mươi một triệu tám trăm ngàn đồng) bao gồm:

- **Hỗ trợ lúa giống – phân bón, chi phí cấy lúa:** 318.000.000 đồng

+ Phương pháp gieo sạ thẳng: (150 ha x 120kg/ha = 18.000 kg)

St t	Loại vật tư	Số lượng	Yêu cầu của chương trình		
			Đơn giá	Thành tiền	Hỗ trợ (đ)
1	Lúa giống (kg)	120	13.000	1.560.000	480.000
2	Phân bón: - Ure (kg) - DAP (kg) - Kali (kg) - Phân bón trung, vi lượng khác ...	160 130 60	7.000 11.000 8.000	1.120.000 1.430.000 480.000 900.000	900.000
	Tính cho 01 ha			5.490.000	1.380.000
	Tổng cộng tính cho 150 ha			823.500.000	207.000.000

+ Phương pháp cấy lúa: (50 ha x 80kg/ha = 4.000 kg)

St t	Loại vật tư	Số lượng	Yêu cầu của chương trình		
			Đơn giá	Thành tiền	Hỗ trợ (đ)
1	Lúa giống (kg)	80	13.000	1.040.000	320.000
2	Phân bón: - Ure (kg) - DAP (kg) - Kali (kg) - Phân bón trung, vi lượng khác ...	160 130 60	7.000 11.000 8.000	1.120.000 1.430.000 480.000 900.000	900.000
3	Hỗ trợ 20% chi phí cấy lúa (ha)	01	5.000.000	5.000.000	1.000.000
	Tính cho 01 ha			9.970.000	2.220.000
	Tổng cộng tính cho 50 ha			498.500.000	111.000.000

- Thiết bị khác: 21.000.000 đồng

Hạng mục	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)
- Bảng cắm tại ruộng	Bảng	5	200.000	1.000.000	1.000.000
- Ống đo mực nước	ống	100	100.000	10.000.000	10.000.000
- Dụng cụ đo độ mặn	cái	2	5.000.000	10.000.000	10.000.000
Tổng				21.000.000	21.000.000

- Tập huấn, sinh hoạt kỹ thuật: 11.200.000 đồng

ST T	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí cho hướng dẫn kỹ thuật	buổi	1	240.000	240.000
2	Trang trí, băng rol	m ²	3	60.000	180.000
3	Chi phí phát hành thư mời	lớp	1	100.000	100.000
4	Chi tiền nước uống cho nông dân	người	30	10.000	300.000
5	Sổ tay (10 tờ x 30 bộ), sơ mi, viết	Bộ	30	10.000	300.000
	Tổng công: (01 lớp)				1.120.000
	Tính cho 10 lớp				11.200.000

- Hội thảo, tọa đàm: 7.600.000 đồng

ST T	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí cho hướng dẫn kỹ thuật	buổi	1	240.000	240.000
2	Trang trí, băng rol	m ²	3	60.000	180.000
3	Chi phí đi lại phát hành thư mời	lớp	1	100.000	100.000
4	Chi tiền ăn uống cho nông dân	người	30	25.000	750.000
5	Chi tiền nước uống cho nông dân	người	30	10.000	300.000
	Tổng công: 01 cuộc				1.520.000
	Tính cho 5 cuộc				7.600.000

- Chi phí quản lý: 24.000.000 đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tổ sử dụng vốn huyện kiểm tra, nghiệm thu mô hình (3 người)	12	80.000	960.000
2	Cán bộ theo dõi, kiểm tra (4 lần/tháng x 3 tháng)	12	80.000	960.000
3	Cán bộ chủ nhiệm mô hình (4 lần/tháng x 3 tháng)	12	80.000	960.000
4	Cán bộ kỹ thuật (4 lần/tháng x 3 tháng)	12	80.000	960.000
5	Cộng tác viên (4 lần/tháng x 3 tháng)	12	80.000	960.000
Tính cho 01 xã				4.800.000
Tính cho 05 xã				24.000.000

III. TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Tổng kinh phí thực hiện là 2.086.800.000 đồng (hai tỷ không trăm tám mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng) từ nguồn vốn theo Nghị định 35/2015/NĐ-

CP năm 2018 là 1.596.800.000 đồng và năm 2016, 2017 chuyển nguồn sang năm 2018 là 490.000.000 đồng, trong đó:

1. Hỗ trợ giống: 568.000.000 đồng.
2. Hỗ trợ phân bón: 1.080.000.000 đồng.
3. Hỗ trợ chi phí cấy lúa: 50.000.000 đồng.
4. Hỗ trợ thiết bị khác: 208.000.000 đồng.
5. Hỗ trợ tập huấn, sinh hoạt kỹ thuật: 56.000.000 đồng.
6. Hỗ trợ hội thảo: 22.800.000 đồng.
7. Chi phí quản lý: 72.000.000 đồng.
8. Chi phí đầu thầu giống, phân bón, chi phí khác: 30.000.000 đồng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các trạm chuyên môn, UBND xã triển khai thực hiện; tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp tài liệu cho nông dân, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ đề ra.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu UBND huyện bố trí nguồn vốn theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ năm 2018 để triển khai thực hiện, hướng dẫn lập thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định hiện hành.

3. Phòng Kinh tế - Hạ tầng phối hợp với phòng nông nghiệp và PTNT, UBND các xã mời gọi các doanh nghiệp có năng lực, uy tín liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị với các HTX, THT theo hướng bền vững, lâu dài.

4. Đài Truyền thanh huyện thường xuyên tuyên truyền hiệu quả của các mô hình sản xuất nông nghiệp đã triển khai thực hiện.

5. UBND các xã chủ động phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT tổ chức triển khai có hiệu quả ở các khu vực theo kế hoạch đề tiến tới nhân rộng toàn xã. /

Nơi nhận: *hà*

- TT.Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT, TC-KH, KT-HT;
- Đài Truyền thanh huyện;
- Trạm Khuyến nông; TT-BVTV;
- UBND các xã;
- Lưu VT.

**TM. TỔ SỬ DỤNG VỐN
TỔ TRƯỞNG**



**Bùi Văn Mến
PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**

Giang Thành, ngày 4 tháng 3 năm 2018

Số: 11 /TTr-TSDV

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt Dự án mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018

Căn cứ Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện về việc thực hiện mô hình Cánh đồng lớn sản xuất lúa theo hướng VietGAP gắn với xây dựng bờ bao, thủy lợi nội đồng và trạm bơm tát tập thể giai đoạn 2018 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND huyện Giang Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn hỗ trợ sản xuất thuộc nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

Để đẩy mạnh phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện và người nông dân được tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp như: sản xuất theo hướng an toàn, bền vững trong sản xuất nông nghiệp và dần dần sản xuất tập trung theo tổ hợp tác, hợp tác xã, sản xuất giống lúa chất lượng, an toàn và định hướng sản xuất liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Tổ sử dụng nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP huyện xây dựng Dự án Thực hiện mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018, với tổng nhu cầu vốn thực hiện **2.086.800.000 đồng**, bằng chữ: *(Hai tỷ không trăm tám mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng)*. Nguồn vốn thực hiện từ nguồn vốn Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính Phủ về quản lý và sử dụng đất trồng lúa. Trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ của HĐND huyện Giang Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn hỗ trợ sản xuất thuộc nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ, về định mức, hạng mục hỗ trợ được cụ thể hóa trong Dự án *(kèm theo Dự án mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018)*.

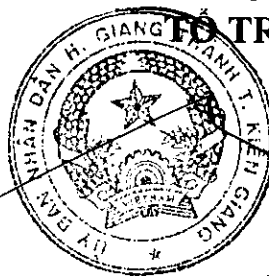
Để Dự án được triển khai thực hiện, Tổ sử dụng nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP huyện trình UBND huyện xem xét phê duyệt Dự án Thực hiện mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa và mô hình sản xuất lúa 1 phải 5 giảm năm 2018.

Rất mong UBND huyện xem xét chấp thuận để Tổ sử dụng nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP sớm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: *Ban*

- TT. UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

TM. TỔ SỬ DỤNG VỐN
TỔ TRƯỞNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Bùi Văn Mến